

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2018
V/v xin ly hôn có yếu tố nước ngoài

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Kim Loan

Bà Lữ Kiều Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về “xin ly hôn có yếu tố nước ngoài”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Dương Ngọc B, sinh năm 1992

Địa chỉ: đường M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị B : Luật sư Huỳnh Thảo L, văn phòng luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

- Bị đơn: anh TRAN A, sinh năm 1984

Địa chỉ: (Hoa Kỳ).

(chị B và Luật sư L có mặt tại phiên tòa, anh A xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Chị Dương Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh A được người quen mai mối, sau đó tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức theo phong tục tập quán và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/12/2013. Sau khi kết hôn được vài tháng thì anh A về lại Hoa Kỳ, thời gian đầu còn liên lạc với nhau qua điện thoại. Đến giữa năm 2014 thì hai người không còn liên lạc với nhau nữa do bất đồng quan điểm sống, văn hóa, phong tục tập quán. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh A để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Anh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị B được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/12/2013. Sau khi kết hôn được 04 tháng thì anh trở về Hoa Kỳ cho đến nay, quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về phong tục, tập quán, lối sống, quan điểm và chênh lệch nhau nhiều tuổi. Nay anh thống nhất ly hôn với chị B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Vì không có điều kiện về Việt Nam tham gia giải quyết vụ án nên anh xin được vắng mặt.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn anh A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân giữa chị Dương Ngọc B và anh A đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại các Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị B và anh A đều thống nhất xác định sau khi kết hôn được khoảng 04 tháng thì anh A về lại Hoa Kỳ cho đến nay. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, văn hóa, phong tục tập quán và chênh lệch về tuổi tác. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên yêu cầu xin ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Ngọc B và anh A không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa cả hai người đều tự nguyện đồng ý ly hôn. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Ngọc B với anh A.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị B phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Ngọc B .

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Ngọc B được ly hôn với anh A.
2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị B phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp (do Huỳnh

Thảo L nộp thay) theo biên lai thu số 0001003 ngày 25/12/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Báo cho anh A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án này được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Đối với chị B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiên